

CÁC BỘ**BỘ LAO ĐỘNG**

THÔNG TƯ số 18-LĐ/TT ngày 6-9-1982 hướng dẫn thi hành điểm 2 quyết định số 134-HĐBT ngày 17-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng.

Đề thi hành điểm 2, quyết định số 134-HĐBT ngày 17-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc cho công nhân, viên chức các ngành thương nghiệp, cung ứng vật tư và sản xuất khác được thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quyết định số 51-CT ngày 11-3-1982 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Bộ Lao động hướng dẫn như sau:

Kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1982, công nhân viên chức đang công tác tại các đơn vị thuộc các ngành thương nghiệp, cung ứng vật tư và sản xuất khác do trung ương và địa phương quản lý được thực hiện các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quyết định số 51-CT/ ngày 11-3-1982 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Về nội dung, nguyên tắc áp dụng chế độ khuyến khích lương khoán, lương sản phẩm, tỷ lệ tiền thưởng và việc đưa phụ cấp lương tạm thời theo quyết định số 219-CP vào mức lương chính hiện nay thành mức lương chính mới để làm cơ sở tính các khoản phụ cấp lương thi hành như thông tư số 11-LĐ/TT ngày 4-6-1982 của Bộ Lao động đã hướng dẫn. Riêng về tỷ lệ khuyến khích lương khoán, lương sản phẩm và tỷ lệ tiền thưởng, sau khi trao đổi ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ liên quan, Bộ Lao động phân bổ cụ thể như sau:

Ngành	Tỷ lệ khuyến khích lương khoán, lương sản phẩm bình quân	Tỷ lệ tiền thưởng bình quân
1. Ngành thương nghiệp - Các đơn vị kinh doanh hàng nông sản, thực phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt và công ty thương nghiệp tổng hợp huyện	15%	20%
Riêng các ngành thu mua nông sản, thực phẩm, chất đốt, vật liệu xây dựng	20%	20%
- Các đơn vị kinh doanh hàng công nghệ phẩm, ăn uống, khách sạn và dịch vụ.	10%	15%
2. Ngành cung ứng vật tư	15%	20%
3. Sản xuất vật chất khác	10%	15%

Các tỷ lệ bình quân được phân bổ trên đây nhằm bảo đảm cân đối giữa các ngành, nghề trong nền kinh tế quốc dân. Các ngành, các địa phương căn cứ vào tỷ lệ ấy và các quy định trong thông tư số 11-LĐ/TT ngày 4-6-1982 của Bộ Lao động mà phân bổ cụ thể cho các đơn vị thuộc quyền theo tỷ lệ cao hoặc thấp hơn cho phù hợp với đặc điểm và tính chất công việc của từng đơn vị nhằm khuyến khích những đơn vị hoặc bộ phận hoàn thành nhiệm vụ có nhiều khó khăn hoặc điều kiện lao động vất vả, nhưng bình quân chung không vượt quá tỷ lệ bình quân đã phân bổ. Ví dụ: Nhân viên thu mua được phân bổ cao hơn nhân viên bán hàng, bảo quản, hoặc trong thu mua thì nhân viên thu mua những hàng hóa thiết yếu, khó mua được phân bổ cao hơn những hàng hóa thông thường hoặc dễ mua, v.v...

Căn cứ vào thông tư này, các ngành, các địa phương ra văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện cho các đơn vị thuộc quyền. Nếu có gì vướng mắc yêu cầu phản ảnh đề Bộ Lao động nghiên cứu giải quyết

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 1982

Bộ trưởng Bộ Lao động

ĐÀO THIÊN THI

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 12-BYT/TT ngày 7-8-1982 hướng dẫn quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng bộ trưởng về chính sách, chế độ đối với cán bộ y tế xã, phường.

Căn cứ quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường;

Căn cứ thông tư hướng dẫn số 1-TCCP/CQ ngày 12-1-1982 của Ban tổ chức của Chính phủ hướng dẫn thi hành quyết định số 111-HĐBT và công văn số 16-CQĐP/TCCP ngày 10-4-1982 của Ban tổ chức của Chính phủ nhất trí với Bộ Y tế về việc hướng dẫn chế độ đãi ngộ đối với cán bộ y tế xã, phường;

Căn cứ quyết định số 156-CP ngày 7-10-1968 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với y tế vùng cao, miền núi;

Bộ Y tế ra thông tư hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế xã, phường như sau.

I. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT PHÍ

1. Cán bộ y tế có đủ tiêu chuẩn (quy định tại thông tư số 29-BYT/TT ngày 29-12-1980) được bố trí sắp xếp chuyên trách công tác ở trạm y tế xã, phường đã hoàn thành nhiệm vụ đều được hưởng sinh hoạt phí hàng tháng theo bảng sinh hoạt phí quy định dưới đây:

Chức vụ	Thời gian công tác và mức sinh hoạt phí					
	Dưới 5 năm	Trên 5 năm đến 10 năm	Trên 10 năm đến 15 năm	Trên 15 năm đến 20 năm	Trên 20 năm đến 25 năm	Trên 25 năm
- Y sĩ, dược sĩ trung học	45 đ	50 đ	58 đ	68 đ	78 đ	
- Nha sĩ sơ học	38 đ	43 đ	49 đ	55 đ	64 đ	74 đ
- Y tá, dược tá sơ học	36 đ	41 đ	47 đ	53 đ	62 đ	72 đ
- Bác sĩ	60 đ	70 đ	85 đ	100 đ	116 đ	

— Nữ hộ sinh quốc gia - y tá trung học và y tá quốc gia xếp như y sĩ.

— Cán bộ y được học dân tộc thì tùy theo sự phân loại trình độ chuyên môn mà xếp như sau:

Cấp I xếp như sơ học;

Cấp II xếp như trung học;

Cấp III xếp như đại học.

Những người phải qua thời gian tập sự hưởng bằng 85% mức khởi điểm của sinh hoạt phí theo chức vụ được giao.

Riêng đối với bác sĩ y khoa đào tạo từ y sĩ xã vẫn thực hiện theo quyết định số

176-TTg ngày 8-7-1974 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư số 23-BYT/TT ngày 16-8-1974 của Bộ Y tế cho tuyển dụng vào biên chế Nhà nước bố trí ở mạng lưới y tế của huyện (ban y tế, đội vệ sinh phòng dịch, y tế lưu động, phòng khám đa khoa khu vực hoặc trực tiếp phụ trách trạm y tế xã).

Từ nay, sau khi đã xếp lại sinh hoạt phí mới theo quy định nói trên, cứ sau 5 năm công tác mà hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt các chế độ,